

Chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam

Nguyễn Hồng Nga

Trường Đại học Thương mại

Ngày nhận: 23/03/2022

Ngày nhận bản sửa: 13/05/2022

Ngày duyệt đăng: 23/05/2022

Tóm tắt: Bài viết này khám phá sự phát triển báo cáo phát triển bền vững và chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo bằng cách sử dụng Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) làm khuôn khổ. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp nhằm đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo tại 120 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam công bố báo cáo phát triển bền vững trong năm 2020. Kết quả cho thấy, nhìn chung các công ty có được lợi ích từ sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo, từ đó phát triển hệ thống báo cáo nội bộ hiệu quả và tăng độ tin cậy cho dữ liệu công bố. Động lực của sự đảm bảo dựa trên phương pháp tiếp cận chủ động từ các công ty hàng đầu, nhận thức về mặt lợi ích của công ty và áp lực gia tăng từ các bên liên quan. Kết quả nghiên cứu của

Sustainability reporting quality through assurance service provider assurance: empirical evidence in Vietnam

Abstract: This article explores sustainability reporting evolution and sustainability reporting quality through assurance service provider assurance using the Global Reporting Initiative (GRI) as a framework. The study uses secondary data research method to assess the quality of sustainability reports through assurance from an assurance service provider, through collecting secondary data on 120 listed companies publishes sustainability report in 2020 in Vietnam. In general, companies are guaranteed to benefit from assurance of assurance service providers, thereby developing a internal efficiency reporting system and increase the reliability of published data. The assurance dynamics are based on proactive approaches from leading companies, awareness of corporate interests and increased pressure from stakeholders. The research results of the article have emphasized the need to strengthen the assurance of the assurance service provider in order to increase the reliability of the corporate sustainability reports.

Keywords: Sustainability report, quality, assurance service provider, GRI standard.

Nguyen, Hong Nga

Email: hongngaktc@tmu.edu.vn
Thuongmai University

bài viết đã nhấn mạnh cho việc cần thiết phải tăng cường sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo nhằm gia tăng độ tin cậy cho các báo cáo về tính bền vững của doanh nghiệp.

Từ khoá: Báo cáo phát triển bền vững, chất lượng, nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo, tiêu chuẩn GRI

1. Đặt vấn đề

Áp lực và nhu cầu thông tin của các bên liên quan đã thay đổi đáng kể trong những năm gần đây và buộc các công ty phải đáp ứng (Romero & cộng sự, 2019). Báo cáo phát triển bền vững là một công cụ truyền thông quan trọng để thể hiện tính minh bạch và quản trị hiệu quả, được đề cập cụ thể tới các bên liên quan (Amran & cộng sự 2014). Sự cần thiết phải cung cấp tính minh bạch cho các bên liên quan là động lực nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững (Romero & cộng sự, 2019). Hơn nữa, cơ cấu tổ chức gắn liền với quy trình báo cáo rất quan trọng đối với chất lượng báo cáo phát triển bền vững của công ty (Adams, 2002). Hiện nay, báo cáo phát triển bền vững đang được đặt dưới áp lực thể chế trong xu hướng yêu cầu trách nhiệm xã hội và môi trường của các doanh nghiệp đang tăng cao (Jensen & Berg, 2012; Michelon & cộng sự, 2015). Bên cạnh đó, báo cáo phát triển bền vững là một công cụ mới, giúp doanh nghiệp (DN) tổ chức và công bố thông tin về hoạt động mang tính bền vững theo cách tương tự như báo cáo tài chính. Báo cáo phát triển bền vững có vai trò quan trọng đối với các bên có liên quan và chính nội bộ DN. Thông qua tính độc lập và tính chuyên nghiệp của bên cung cấp dịch vụ đảm bảo, sẽ giúp hệ thống báo cáo DN hoạt động hiệu quả và tăng độ tin cậy cho các thông tin công bố. Chính vì vậy, việc nghiên cứu chất lượng báo cáo phát triển bền vững đảm bảo bởi nhà cung cấp

dịch vụ đảm bảo được đặt ra như một nhu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Bài viết đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững tại các DN niêm yết ở Việt Nam thông qua các tuyên bố đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo bằng cách sử dụng Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) làm cơ sở đánh giá. Nghiên cứu đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo từ nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo, sử dụng thu thập dữ liệu thứ cấp tại 120 công ty công bố báo cáo phát triển bền vững trong năm 2020. Thông qua đó tác giả cũng đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của báo cáo phát triển bền vững, giúp thông tin công bố được hiệu quả và minh bạch đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

2. Cơ sở lý thuyết

Báo cáo phát triển bền vững được định nghĩa là “đo lường, công bố, giải trình và cam kết trách nhiệm trước các bên liên quan bên trong và bên ngoài về kết quả hoạt động của tổ chức hướng tới mục tiêu phát triển bền vững” (GRI, 2016). Báo cáo phát triển bền vững là một công cụ giúp các nhà quản lý truyền đạt thông tin về sự phát triển bền vững của công ty tới các bên liên quan (Chen & cộng sự, 2016; Romero & cộng sự, 2019). Việc công bố thông tin về tính bền vững cung cấp thông tin tài chính và phi tài chính hữu ích cho cổ đông và các bên liên quan khác, giúp giảm thiểu chủ nghĩa cơ hội và thao túng thu nhập của công ty

Bảng 1. Bảng tổng hợp các danh mục chính đảm bảo chất lượng thông tin trên báo cáo phát triển bền vững

Danh mục	Những nội dung chính
Kết quả chính của quá trình đảm bảo và thông tin chung	Định nghĩa về trách nhiệm, tiêu chuẩn được sử dụng, hồ sơ của nhà cung cấp đảm bảo, phạm vi đánh giá, quy trình đảm bảo, độ tin cậy của báo cáo, đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan, mức độ liên quan của hệ thống thu thập dữ liệu, ý kiến tích cực, ý kiến tiêu cực, độ tin cậy của một số mục của báo cáo
Tuyên bố về nội dung báo cáo	Tính bao gồm của các bên liên quan, bối cảnh bền vững, tính trọng yếu, Tính hoàn chỉnh
Tuyên bố về chất lượng thông tin	Cân bằng, khả năng so sánh, chính xác, kịp thời, rõ ràng, đáng tin cậy
Bảo lưu và phê bình	Các thông lệ nội bộ và quy trình báo cáo, các vấn đề về độ chính xác và độ tin cậy, sự vắng mặt hoặc thiếu thông tin, khả năng kiểm toán và truy cập thông tin
Đề xuất cải tiến	Sự tham gia của các bên liên quan, kiểm soát và xác minh nội bộ, thu thập dữ liệu, phạm vi báo cáo, xác định các vấn đề trọng yếu, làm rõ mục tiêu và chiến lược, tuân thủ tiêu chuẩn.

Nguồn: Olivier Boiral (2017)

(Rezaee & Tuo, 2019). Lý thuyết thông tin hữu ích cung cấp một nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng báo cáo và truyền thông của công ty về thông tin có khả năng duy trì đến các bên liên quan (Amran & cộng sự, 2014; Fernandez-Feijoo & cộng sự, 2018). Hơn nữa, cơ cấu tổ chức tham gia vào quá trình báo cáo cũng rất quan trọng đối với chất lượng báo cáo của công ty (Adams, 2002). Nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo giúp công ty tăng cường giám sát chiến lược và báo cáo phát triển bền vững, điều này sẽ ảnh hưởng đến việc giảm bất cân xứng thông tin, cải thiện chất lượng báo cáo, tăng độ tin cậy và minh bạch của thông tin (Al-Shaer & Zaman, 2016). Việc đưa các mục tiêu xã hội rõ ràng trong kế hoạch dẫn đến hoạt động của DN có khả năng phát triển bền vững tốt trong tương lai (Berrone & Gomez, 2009), điều này có khả năng ảnh hưởng đến cam kết của các công ty về chất lượng báo cáo cao hơn. Dalla Via & Perego (2020) nhận thấy rằng sự chú trọng mạnh mẽ hơn vào các chương trình điều hành liên quan đến khả năng thực hiện mục tiêu sẽ giúp nâng cao chất lượng đảm bảo tính bền vững. Do vậy, Olivier Boiral (2017) cho rằng nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo cần xác định các nội dung và danh mục

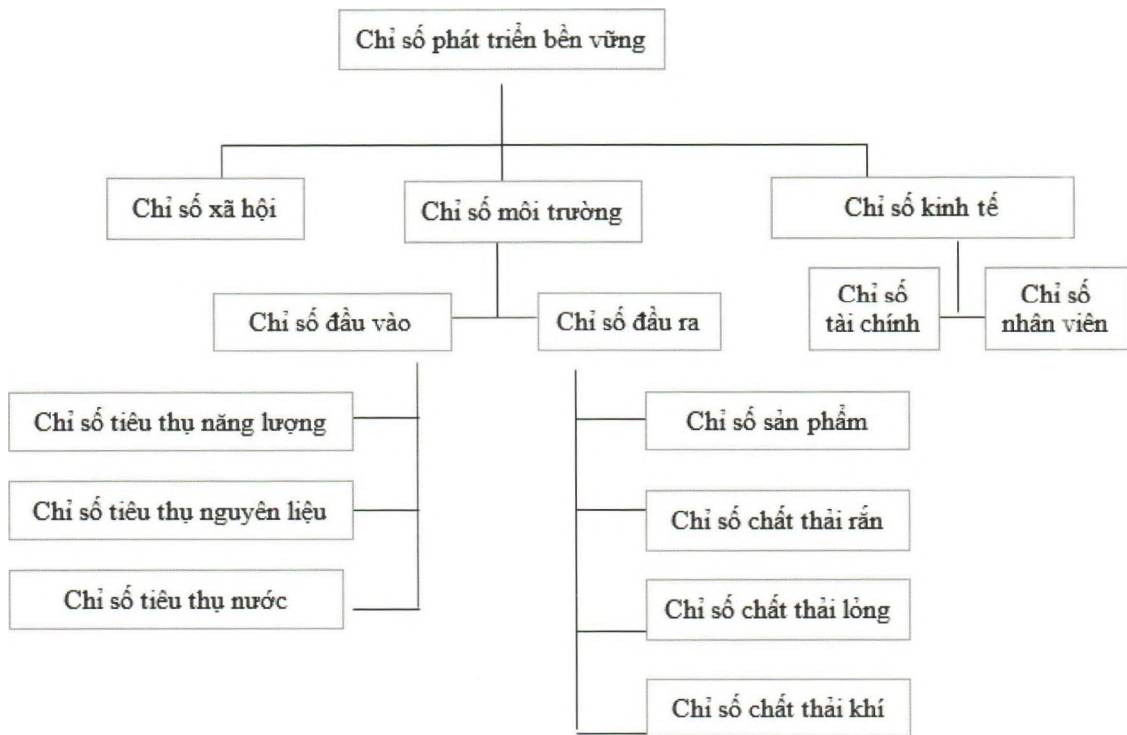
chính để thực hiện để đảm bảo chất lượng thông tin trên báo cáo phát triển bền vững như Bảng 1.

Khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến nhất trên thế giới được xây dựng bởi Sáng kiến GRI. Báo cáo phát triển bền vững theo Sáng kiến GRI được coi là hữu ích nhất vì được sử dụng và công nhận một cách rộng rãi. Khung GRI đề cập đến các vấn đề cốt lõi của phát triển bền vững bao gồm tác động tới kinh tế, xã hội và môi trường với hướng dẫn kỹ thuật về cách thức đo lường và báo cáo các vấn đề này. Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập báo cáo phát triển bền vững (GRI Sustainability Reporting Standards) được phát hành bởi Global Sustainability Standards Board (GSSB) vào năm 2016. Đây là phiên bản mới nhất và chuẩn mực quốc tế cao nhất về lập Báo cáo phát triển bền vững và chính thức được áp dụng từ năm 2018. Các chi tiêu trong Bộ tiêu chuẩn GRI Sustainability Reporting Standards là phiên bản được nâng cấp từ GRI4 Guidelines và được cấu trúc lại nhằm giúp các doanh nghiệp thực hiện báo cáo thuận tiện, minh bạch và hiệu quả hơn. Về mặt cấu trúc, Tiêu chuẩn GRI được cấu trúc rõ ràng và dễ hiểu với nội dung chính là (1) GRI 101 Thông tin chung; (2) GRI

200 Vấn đề kinh tế; (3) GRI 300 Vấn đề xã hội; (4) GRI 400 Vấn đề môi trường và 33 chỉ tiêu đặc thù. Cấu trúc này giúp doanh nghiệp dễ xem, dễ hiểu và theo dõi. Về mặt nội dung, các chỉ tiêu được mô tả rõ ràng với phạm vi được mô tả cụ thể và ngôn ngữ được truyền tải dễ hiểu hơn. Về mặt sử dụng, Bộ tiêu chuẩn có thể được sử dụng linh hoạt, các công ty có thể sử dụng theo hướng “tuân thủ hoàn toàn” hoặc “tuân thủ một phần” các nội dung trọng yếu của Bộ tiêu chuẩn. Theo đó, các tiêu chuẩn về hạn chế và thiếu sót của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo được mô tả bao gồm quy trình báo cáo và thực hành nội bộ, các vấn đề về độ chính xác và độ tin cậy, sự vắng mặt hoặc thiếu thông tin, khả năng kiểm toán và truy cập thông tin. Về đánh giá nội dung các báo cáo, các tiêu chí bao gồm trọng yếu, khả năng đáp ứng các bên liên quan, sự hoàn chỉnh, bối cảnh bền vững. Về đánh

giá chất lượng thông tin bao gồm sự chính xác, độ tin cậy, cân bằng, so sánh, trung thực, kịp thời.

Bên cạnh đó, các tổ chức quốc tế cũng ban hành các bộ tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Cụ thể, Veleva & Ellenbecker (2001) đề xuất bộ tiêu chí đo lường sự phát triển bền vững của doanh nghiệp gồm 22 tiêu chí theo 6 khía cạnh: Sử dụng năng lượng, nhiên liệu; Mức độ phát thải ra môi trường; Hiệu quả kinh tế; Đóng góp cho phát triển cộng đồng và xã hội; Quyền lợi của người lao động; Sản phẩm (được thiết kế và sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường). Doanh nghiệp tùy theo mức độ phát triển có thể áp dụng các tiêu chí này theo 5 cấp độ: Cấp độ 1- Thể hiện việc tuân thủ các quy định; Cấp độ 2- Thể hiện việc áp dụng hiệu quả các chương trình phát triển bền vững; Cấp độ 3- Thể hiện tác động của các chương trình



Nguồn: Krajnc & Glavic (2003)

Hình 1. Bộ tiêu chí phản ánh chỉ số phát triển bền vững của doanh nghiệp

phát triển bền vững đối với kinh tế, xã hội, môi trường; Cấp độ 4- Thể hiện tác động của doanh nghiệp đối với sự phát triển bền vững trong chuỗi cung ứng và xuyên suốt vòng đời sản phẩm; Cấp độ 5- Thể hiện vai trò của doanh nghiệp trong sự phát triển bền vững chung của xã hội. Tương tự, Krajnc & Glavic (2003) đề xuất bộ tiêu chí đánh giá hoạt động của doanh nghiệp dựa trên 3 khía cạnh: Kinh tế, xã hội, môi trường (Hình 1). Bên cạnh các chỉ số mang tính định lượng như doanh thu, tiền lương, giờ công lao động, đa số các tiêu chí còn lại là định tính.

Bài viết này sẽ thực hiện đánh giá chất lượng của báo cáo phát triển bền vững tại các DN niêm yết của Việt Nam thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo bằng cách sử dụng Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) làm khuôn khổ. Trong đó, nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo bao gồm kiểm toán nội bộ, công ty kiểm toán và dịch vụ khác. Thông qua đó, tác giả cũng đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của báo cáo phát triển bền vững, giúp thông tin công bố được hiệu quả và minh bạch đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

3. Thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo

Nghiên cứu đã tiến hành thu thập dữ liệu thứ cấp năm 2020 tại các DN niêm yết

được coi là thành công trong việc lập báo cáo phát triển bền vững. Tác giả thống kê có 120 DN, trong đó có 81 DN sản xuất và 39 DN dịch vụ. Có thể tổng kết một số các kết quả khảo sát được như sau:

3.1. Đánh giá chung

Về việc phân phối nhà cung cấp đảm bảo chất lượng báo cáo phát triển bền vững, nghiên cứu thực hiện thống kê dữ liệu trong năm 2020, theo đó có 76 DN sử dụng kiểm toán nội bộ, 38 DN sử dụng các công ty kiểm toán và 6 DN sử dụng các dịch vụ đảm bảo khác. Có thể thấy, việc sử dụng kiểm toán nội bộ cho việc lập báo cáo phát triển bền vững vẫn được các DN ưa chuộng hơn cả, với mức tỷ trọng là 63,33% cao gấp đôi so với việc lựa chọn các công ty kiểm toán (với tỷ trọng là 31,67%) (Bảng 2).

Thông qua dữ liệu thống kê từ Bảng 2 cho thấy trong năm 2020 có khoảng 1/3 các báo cáo phát triển bền vững của các DN chịu sự bảo đảm của các công ty kiểm toán.

3.2. Đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo

(1) *Thực trạng về báo cáo phát triển bền vững tại một số doanh nghiệp Việt Nam xét về mặt cấu trúc báo cáo*

Đặt trong bối cảnh các DN Việt Nam thực hiện báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI, cần phải thực hiện xem xét về

Bảng 2. Phân phối các nhà cung cấp đảm bảo

Lĩnh vực	Kiểm toán nội bộ (n = 76)		Công ty kiểm toán (n = 38)		Dịch vụ đảm bảo khác (n = 6)		Tổng (n=120)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
DN sản xuất	55	72,36	24	63,16	2	33,33	81	67,5
DN Dịch vụ	21	27,64	14	36,84	4	66,67	39	32,5
Tổng (n=120)	76	63,33	38	31,67	6	5	120	100

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

các tiêu chí này có thoả mãn bộ chỉ số bền vững DN (CSI) không. Có thể thấy, tại Việt Nam năm 2016, VCCI đã xây dựng bộ chỉ số bền vững DN (CSI) với 3 tiêu chí về kinh tế, 9 tiêu chí về môi trường và 11 tiêu chí về xã hội (VCCI, 2016). Theo đó hàng năm, VCCI tiến hành thu thập thông tin, đánh giá và xếp hạng DN bền vững. Năm 2020, Bộ chỉ số DN bền vững (Bộ chỉ số CSI) tiếp tục được sử dụng làm thang đo đánh giá mức độ phát triển bền vững của các DN. Với 127 chỉ số ở 4 lĩnh vực: Chỉ số Kết quả phát triển bền vững, Chỉ số Quản trị; Chỉ số Môi trường; và Chỉ số Lao động, CSI 2020 đã được nghiên cứu, cập nhật nhiều điểm mới để phù hợp với những yêu cầu từ các Hiệp định thương mại tự do quan trọng (FTA) mà Việt Nam đã ký kết gần đây (như CPTPP-Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, EVFTA- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam- EU), cũng như các thay đổi quan trọng trong các chính sách quản lý về lao động và môi trường có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của DN. Đặc biệt, các vấn đề liên quan đến 17 Mục tiêu phát triển bền vững và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững đã được đơn giản hóa và lồng ghép vào Bộ chỉ số CSI 2020 về trách nhiệm xã hội, trách nhiệm môi trường (VCCI, 2020). Năm 2020, Chương trình CSI đánh giá DN dựa trên Bộ 119 chỉ số ở 4 lĩnh vực: Chỉ số Kết quả phát triển bền vững, Chỉ số Quản trị; Chỉ số Môi trường; và Chỉ số Lao động- Xã hội (VCCI, 2020). Theo đó, các chỉ số phát triển bền vững dựa trên lợi nhuận, khả năng sinh lời, kim ngạch xuất nhập khẩu, thu nhập bình quân của người lao động, đóng góp cho ngân sách và xã hội, tỷ lệ nước thải, chất thải được thu gom, tái sử dụng và hiệu quả tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Chỉ số Môi trường cũng là một yếu tố được chú trọng với các tiêu

chí về tuân thủ pháp luật; sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, phòng ngừa ô nhiễm, khắc phục sự cố và cải thiện môi trường; giáo dục, truyền thông bảo vệ môi trường trong DN. Như vậy, có thể thấy, các chỉ số CSI cũng tương đồng với các quy định tiêu chuẩn GRI, là cơ sở để các DN niêm yết tại Việt Nam cần tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ về báo cáo phát triển bền vững.

Hiện nay, bên cạnh Báo cáo thường niên, ngày càng có nhiều DN niêm yết chú trọng tới Báo cáo phát triển bền vững như VNM (Công ty cổ phần Sữa Việt Nam), BVH (Bảo Việt Holding), DHG (Dược Hậu Giang), STK (Sợi Thế Kỳ), NVL (Novaland), GEG (Điện Gia Lai), BVS (Chứng khoán Bảo Việt), PAN (Tập đoàn PAN), PLX (Tập đoàn Petrolimex), STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín)... Điều đáng chú ý, không chỉ các DN lớn, có lịch sử làm Báo cáo phát triển bền vững tốt như BVH, DHG, VNM, ngày càng có nhiều DN trong nhóm vừa và nhỏ đầu tư công phu cho Báo cáo phát triển bền vững theo Bộ tiêu chuẩn GRI (Sáng kiến báo cáo toàn cầu) và các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc (SDGs).

Theo dữ liệu thứ cấp mà tác giả quan sát cho thấy Báo cáo phát triển bền vững của VNM có một cấu trúc rành mạch, khoa học, dễ hiểu cho các đối tượng sử dụng báo cáo. Báo cáo được trình bày súc tích, kết hợp hài hòa và sáng tạo trong việc sử dụng các hình vẽ, minh họa và biểu đồ. Báo cáo được lập theo Chuẩn mực GRI Standards, cùng với một số chỉ tiêu được công bố bổ sung theo hướng dẫn của GRI dành riêng cho lĩnh vực thực phẩm (GRI Food Processing). Có thể nói, VNM rất thành công trong việc cung cấp cho người đọc một bức tranh toàn diện và đáng tin cậy về hoạt động phát triển bền vững. VNM đã tiến hành rà soát chiến lược và mục tiêu, chú trọng đến khía cạnh phát

triển bền vững dưới định hướng của Tiêu ban Chiến lược; hệ thống hóa các mục tiêu phát triển bền vững, tích hợp sâu và rộng hơn với mục tiêu kinh doanh ở tầm Công ty; thiết lập danh mục và quản lý rủi ro liên quan phát triển bền vững. Trong báo cáo, VNM đã nêu rõ các số liệu và mục tiêu dài hạn về việc thiết lập một chu trình chế biến sữa bền vững, bao gồm vận hành thiết bị và sử dụng nhiệt từ nguồn năng lượng tái tạo với lộ trình đầu tư cụ thể. Tối ưu hóa việc xử lý và sử dụng chất thải chăn nuôi để làm giàu dinh dưỡng đất, cũng như sản xuất năng lượng sinh khối từ nông trường bò... tiến đến mục tiêu trung hòa Carbon trong tương lai.

Tương tự, báo cáo phát triển bền vững của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB) được trình bày riêng trên Báo cáo thường niên và tuân thủ tương đối tốt tiêu chuẩn GRI trên cả 4 lĩnh vực, GRI 100, GRI 200, GRI 300 và GRI 400 đã phát huy tốt sự hỗ trợ và bổ sung qua lại giữa báo cáo tài chính và báo cáo phát triển bền vững, góp phần tạo nên một bức tranh tổng thể về DN. Báo cáo bám sát và đáp ứng tương đối đầy đủ các tiêu chuẩn của GRI trong việc công bố thông tin như phạm vi, thời gian báo cáo, các bên liên quan, quản trị, quản lý, chiến lược, tầm nhìn đến 2025, quy trình quản lý rủi ro, kiểm toán độc lập của công ty kiểm toán EY Việt Nam.

(2) Về mặt nội dung, các chỉ tiêu được mô tả rõ ràng với phạm vi được mô tả cụ thể và ngôn ngữ được truyền tải dễ hiểu hơn.

Nhằm đảm bảo tiêu chí minh bạch, toàn diện, đáng tin cậy, Báo cáo Phát triển bền vững của Vinamilk đã được lập theo Chuẩn mực sáng kiến báo cáo toàn cầu về lập báo cáo (GRI standards) cùng một số chỉ tiêu được công bố bổ sung theo hướng dẫn của GRI dành riêng cho lĩnh vực thực phẩm (GRI Food Processing). Trong Báo cáo Phát triển bền

vững, Vinamilk còn đề cập đến bối cảnh và sự tương quan, đồng hành cùng các vấn đề về phát triển bền vững của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, nổi bật là các mục tiêu và hoạt động chiến lược của Vinamilk gắn với các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 Sustainable Development Goals), Khung Phát triển bền vững ngành sữa (DSF)... Có thể nhận thấy rõ hơn qua các vấn đề như việc làm bền vững, môi trường, năng lượng sạch, năng lượng bền vững... đã được DN này đẩy mạnh trong thời gian qua và đây là định hướng được công ty quyết tâm thực hiện.

Tương tự, tập đoàn Bảo Việt (BVH) cũng tích hợp các nội dung báo cáo theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards và 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp quốc (SDGs). Từ việc phân tích rủi ro, BVH đã xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng, xem xét các cơ hội và thách thức, cho tới việc gắn kết các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc trong chiến lược và hoạt động kinh doanh.

Báo cáo phát triển bền vững của Tập đoàn Petrolimex (PLX) đã được nêu rõ trong thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với các hành động cụ thể về môi trường như giảm thiểu ô nhiễm môi trường tối đa, không để xảy ra sự cố rò rỉ với hệ thống thiết bị hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường. Đồng thời, PLX cũng tiên phong trong việc lựa chọn các sản phẩm sạch, thân thiện môi trường như xăng sinh học E5 RON 92 - II, xăng RON 95 tiêu chuẩn khí thải Euro IV (RON 95 - IV), dầu DO 0,001S tiêu chuẩn khí thải Euro V (DO 0,001S - V) và FO 0,5S... Báo cáo có đánh giá môi trường chung, bối cảnh phát triển bền vững trên thế giới và gắn kết với 17 SDGs của Liên Hợp quốc và Kế hoạch hành động quốc gia và những

nỗ lực của PLX. Báo cáo được lập theo Tiêu chuẩn GRI tùy chọn cốt lõi, có đầy đủ tham chiếu và mục lục GRI, cũng như nêu rõ phạm vi, nguyên tắc, cách thức xác định nội dung báo cáo và các thông tin liên hệ. Các nội dung báo cáo khá chi tiết, đầy đủ bao gồm rủi ro an toàn cháy nổ, an toàn môi trường và an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt là một trong rất ít doanh nghiệp có xác định rủi ro chất lượng và tính toàn vẹn của dữ liệu còn thiếu, kém. Báo cáo tuy có đề cập đến mục tiêu 2020 và giai đoạn tiếp theo, trong đó có chiến lược phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường, nhưng chưa đưa ra được các chỉ tiêu định lượng cụ thể. Tuy nhiên, các chỉ số hoạt động về môi trường chưa có so sánh qua các thời kỳ và không có phân tích sự biến động.

(3) Về mặt sử dụng, theo tác giả quan sát từ các dữ liệu thứ cấp thu thập được từ các báo cáo phát triển bền vững tại các DN, các hạn chế và thiếu sót của nhà cung cấp đảm bảo bao gồm: khả năng kiểm toán và truy cập thông tin đối với các báo cáo phát triển bền vững ở mức thấp (3,33%), con số này phản ánh những hạn chế do thu thập và cập nhật dữ liệu thông tin của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo là rất ít. Hơn nữa, một số thông tin cũng chưa được phản ánh, phân tích đầy đủ trên báo cáo phát triển bền vững, theo thống kê cho thấy, sự vắng mặt hoặc thiếu thông tin chỉ ở mức 5,83%. Về quy

trình báo cáo và vấn đề độ tin cậy từ nhà cung cấp đảm bảo cho thấy, sai sót hạn chế chỉ ở mức 10,83% (Bảng 3). Từ những con số này, có thể đánh giá được mức độ tin cậy với nhà cung cấp đảm bảo đến từ kỹ năng và khả năng chuyên môn của nhà cung cấp đảm bảo ngày càng được nâng cao.

Về nội dung của báo cáo phát triển bền vững, có thể thấy rằng các đơn vị cung cấp đảm bảo đã đáp ứng được những nguyên tắc của GRI về nội dung báo cáo, mức trọng yếu, khả năng đáp ứng các bên liên quan, và sự hoàn chỉnh được đánh giá ở mức cao (lần lượt là 40,83%, 39,17% và 15%). Tuy nhiên, nội dung về bối cảnh bền vững thì được đánh giá là chưa hoàn chỉnh, nên mức tỷ trọng được ghi nhận là tương đối thấp (5%)- Bảng 4.

Về đánh giá chất lượng thông tin trên báo cáo phát triển bền vững: sự cân bằng, sự chính xác, độ tin cậy là tương đối cao (lần lượt ở mức 23,33%, 22,5% và 21,67%), tính trung thực và so sánh ở mức độ trung bình (14,17% và 13,33%), tuy nhiên tính kịp thời ở mức độ tương đối thấp (5%) (Bảng 5).

Như vậy, qua thống kê tình hình sử dụng nhà cung cấp đảm bảo chất lượng cho báo cáo phát triển bền vững tại các DN hiện nay (thông qua đánh giá của tác giả từ các dữ liệu thứ cấp thu thập được tại các DN thực hiện báo cáo phát triển bền vững) cho thấy: Về khả năng chuyên môn, tính chuyên nghiệp của các nhà cung cấp dịch vụ đảm

Bảng 3. Các hạn chế và thiếu sót của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo

Nội dung quan sát	DN sản xuất (n = 81)		DN dịch vụ (n = 39)		Tổng (n = 120)	
	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)
Quy trình báo cáo và thực hành nội bộ	10	12,34	3	7,69	13	10,83
Các vấn đề về độ chính xác và độ tin cậy	11	13,58	2	5,13	13	10,83
Sự vắng mặt hoặc thiếu thông tin	4	4,94	3	7,69	7	5,83
Khả năng kiểm toán và truy cập thông tin	3	3,70	1	2,56	4	3,33

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam

Bảng 4. Đánh giá nội dung của các báo cáo phát triển bền vững

Các nguyên tắc GRI về nội dung báo cáo	DN sản xuất (n = 81)		DN dịch vụ (n = 39)		Tổng (n = 120)	
	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)
Trọng yếu	35	43,21	14	35,89	49	40,83
Khả năng đáp ứng của các bên liên quan	30	37,04	17	43,59	47	39,17
Sự hoàn chỉnh	12	14,81	6	15,38	18	15
Bối cảnh bền vững	4	4,94	2	5,14	6	5

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Bảng 5. Đánh giá chất lượng thông tin

Các nguyên tắc GRI về chất lượng thông tin	DN sản xuất (n = 81)		DN dịch vụ (n = 39)		Tổng (n=120)	
	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)
Sự chính xác	20	24,69	7	17,95	27	22,50
Độ tin cậy	18	22,22	8	20,51	26	21,67
Cân bằng	19	23,45	9	23,08	28	23,33
So sánh	11	13,58	5	12,82	16	13,33
Trung thực	10	12,35	7	17,95	17	14,17
Kịp thời	3	3,71	3	7,69	6	5,00

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

báo được đánh giá là đảm bảo. Tuy nhiên, về các nội dung báo cáo phát triển bền vững như bối cảnh bền vững và sự hoàn chỉnh về đánh giá chất lượng nội dung báo cáo phát triển bền vững còn chưa cao (lần lượt là 5% và 15%- Bảng 4), đồng thời, khi đánh giá chất lượng thông tin thì tính kịp thời và so sánh còn ở mức độ chưa cao (lần lượt là 5% và 13,33%- Bảng 5). Nguyên nhân được cho là tính chuyên nghiệp trong tác nghiệp của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo khi thực hiện đảm bảo là chưa cao, cũng bởi do chỉ số trên báo cáo phát triển bền vững là khó xác định khi thông tin thu thập thường là thông tin phi tài chính. Hơn nữa, công tác thu thập thông tin là tương đối khó khăn trong bối cảnh khi báo cáo phát triển bền vững còn khá mới mẻ thì nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo đã phải lựa chọn tiếp cận tiêu chuẩn GRI của quốc tế để làm khuôn

khô tham chiếu.

4. Thảo luận và kết luận

Để báo cáo phát triển bền vững trở thành phổ biến, có chất lượng trước hết các DN cần nhận thức được vai trò quan trọng của quá trình phát triển bền vững và báo cáo phát triển bền vững. Chỉ khi DN đảm bảo phát triển bền vững về môi trường, xã hội thì mục tiêu lợi nhuận của DN mới ổn định và phát triển. Do đó, để đảm bảo chất lượng thông tin trên báo cáo phát triển bền vững, cần nâng cao và tăng cường sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo để kiểm tra dữ liệu và các tuyên bố từ một đơn vị độc lập, sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo giúp tăng thêm độ tin cậy cho báo cáo tự nguyện tại các DN.

Liên quan đến công bố thông tin, ngày

6/10/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2016, thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC, nhằm tiến tới xây dựng một nền tài chính xanh, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011- 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1393/QĐ-TTg, Thông tư 155 quy định, các công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững. Nội dung phát triển bền vững được đưa vào báo cáo thường niên, hoặc lập riêng thành báo cáo riêng. Như vậy, xây dựng nội dung phát triển bền vững là yêu cầu bắt buộc đối với các công ty đại chúng. Để triển khai phát triển bền vững, DN trước hết cần xem phát triển bền vững là mục tiêu chiến lược. Trên cơ sở đó xác định các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể cho phát triển bền vững, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả. Veleva & Ellenbecker (2001) đề xuất mô hình gồm 8 bước để triển khai phát triển bền vững, bao gồm:

- Xác định mục tiêu, tầm nhìn dài hạn của DN về phát triển bền vững;
- Nhận biết các tiêu chí phát triển bền vững phù hợp với thực tế và mục tiêu của DN;
- Lựa chọn các tiêu chí để thực hiện trong khoảng thời gian nhất định;
- Thiết lập các chỉ tiêu cụ thể;
- Thực hiện tiêu chí: Bao gồm các hoạt động như thu thập dữ liệu, tính toán, đánh giá, phân tích kết quả;
- Giám sát và thông tin về kết quả thực hiện với các bên liên quan;
- Thực hiện hành động khắc phục, điều chỉnh kịp thời dựa trên kết quả thực hiện;

- Xem xét lại các tiêu chí, chính sách và mục tiêu. Thiết lập tiêu chí, chính sách, mục tiêu cho giai đoạn kế tiếp.

Tuy nhiên, DN không nhất thiết phải lựa chọn tất cả các tiêu chí theo bộ tiêu chí để áp dụng, mà có thể bắt đầu bằng cách lựa chọn những tiêu chí thiết yếu, có tính khả thi, sát với thực tế của DN để thực hiện. Từ các tiêu chí phản ánh sự tuân thủ quy định đến các tiêu chí phản ánh sự phát triển bền vững trong nhà máy đến các tiêu chí phản ánh sự phát triển bền vững trong vòng đời sản phẩm (Veleva & Ellenbecker, 2001). Ví dụ, DN có thể bắt đầu bằng cách lựa chọn chiến lược “Ngăn ngừa ô nhiễm”. Sau khi ngăn ngừa ô nhiễm trong nhà máy có hiệu quả, DN có thể lựa chọn chiến lược có tầm ảnh hưởng rộng hơn như “Quản lý vòng đời sản phẩm”, “Phát triển công nghệ sạch”. Để phát triển bền vững, DN phải hướng đến sự kết hợp hài hòa giữa 3 mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Đó là sự phát triển sản xuất, kinh doanh với mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận nhưng hạn chế tiêu thụ tài nguyên, giảm phát thải đồng thời chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như nhà nước, cổ đông, nhân viên, khách hàng, cộng đồng.

Dựa trên khuôn khổ của Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI), báo cáo phát triển bền vững đã được công bố trong trách nhiệm giải trình của các nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo. Bài viết đã đóng góp cho việc tăng cường tính độc lập, chuyên môn và giám sát của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo nhằm nâng cao hiệu quả tính kiểm soát về chất lượng của thông tin trình bày trên báo cáo phát triển bền vững tại các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo

- Adams, C.A. (2002), 'Internal organisational factors influencing corporate social and ethical reporting: beyond current theorizing', *Accounting, Auditing & Accountability Journal*, Vol. 15 No. 2, pp. 223-250.
- Al-Shaer, H. & Zaman, M. (2016), 'Board gender diversity and sustainability reporting quality', *Journal of Contemporary Accounting & Economics*, Vol. 12 No. 3, pp. 210-222.
- Amran, A., Lee, S. P., & Devi, S. S. (2014), 'The influence of governance structure and strategic corporate social responsibility toward sustainability reporting quality', *Business Strategy and the Environment*, Vol. 23 No. 4, pp. 217-235.
- Berrone, P., & Gomez-Mejia, L. R. (2009), 'Environmental performance and executive compensation: An integrated agency-institutional perspective', *Academy of Management Journal*, Vol. 52 No. 1, pp. 103-126.
- Bộ Tài chính (2015), Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, truy cập từ < <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Chung-khoan/Thong-tu-155-2015-TT-BTC-cong-bo-thong-tin-tren-thi-truong-chung-khoan-2015-293015.aspx>>
- Chen, L., Srinidhi, B., Tsang, A., & Yu, W. (2016), 'Audited financial reporting and voluntary disclosure of corporate social responsibility (CSR) reports', *Journal of Management Accounting Research*, Vol. 28 No. 2, pp. 53-76.
- Dalla Via, N., & Perego, P. (2020), 'The relative role of firm incentives, auditor specialization, and country factors as antecedents of non-financial audit quality', *Auditing: A Journal of Practice and Theory (Forthcoming)*, Vol. 16 No. 2, pp. 1-58.
- Fernandez-Feijoo, B., Romero, S., & Ruiz, S. (2018), 'Financial auditor and sustainability reporting: Does it matter?', *Corporate Social Responsibility and Environmental Management*, Vol. 25 No. 3, pp. 2209-2224.
- GRI (Global Reporting Initiative) (2016), *The External Assurance of Sustainability Reporting*, Amsterdam: GRI, <https://www.globalreporting.org/standards/>
- Jensen, J. C., & Berg, N. (2012), 'Determinants of traditional sustainability reporting versus integrated reporting. An institutionalist approach', *Business Strategy and the Environment*, Vol. 21 No. 5, pp. 299-316.
- Krajnc, D., & Glavic, P. (2003), 'Indicators of sustainable production', *Clean Technologies and Environmental Policy*, Vol. 5 No. 3, pp. 279-288.
- Michelon, G., Pilonato, S., & Ricceri, F. (2015), 'CSR reporting practices and the quality of disclosure: An empirical analysis', *Critical Perspectives on Accounting*, Vol. 33 No 2, pp. 59-78.
- Olivier Boiral (2017), 'Assessing and improving the quality of sustainability reports: the auditor's perspective', *Journal of Business Ethics*, Vol. 5 No. 2, pp. 100-136
- Rezaee, Z., & Tuo, L. (2019), 'Are the quantity and quality of sustainability disclosures associated with the innate and discretionary earnings quality?', *Journal of Business Ethics*, Vol. 155 No. 3, pp. 763-786.
- Romero, S., Ruiz, S., & Fernandez-Feijoo, B. (2019), 'Sustainability reporting and stakeholder engagement in Spain: Different instruments, different quality', *Business Strategy and the Environment*, Vol. 28 No. 1, pp. 221-232.
- Veleva, V., & Ellenbecker, M. (2001), 'Indicators of sustainable production: framework and methodology', *Journal of Cleaner Production*, Vol. 9 No. 6, pp. 519-549.
- VCCI (2016), Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững, truy cập từ < <http://vbcsd.vn/detail.asp?id=697>>
- VCCI (2020), Hướng dẫn chỉ số doanh nghiệp 2020, truy cập từ < http://en.vbcsd.vn/upload/attach/2020.6.229.9.59_Huong%20dan%20Bo%20Chi%20so%20CSI%202020.pdf>